

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 03/02/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan Anh và ông Hồ Trọng Trung;

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị C (*Tên gọi khác: Triệu Quỳnh M*), sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nơi tạm trú: Thôn 3, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Văn T (*Tên gọi khác: Đặng Tiến D*), sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai;

(Đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Người làm chứng:

1. Anh Triệu Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2. Bà Triệu Thị S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện V, tỉnh Lào

Cai.

3. Anh Phùng Kim H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai;

4. Anh Hầu Seo S, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai;

5. Chị Trần Thị D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Trường THCS K, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

6. Chị Hà Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Trường THCS K, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C và anh Đặng Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 2005, nhưng đến ngày 14/3/2012 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Quá trình chung sống từ năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng do đã có con chung nên năm 2012 vẫn đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, anh T thường xuyên rượu chè, không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên say rượu, đánh đập vợ, nhiều lần đuổi vợ ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên và thôn bản hòa giải nhưng không thể hàn gắn hạnh phúc được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào ngày 15/8/2020 vợ chồng cãi, chửi nhau, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân vào ngày 15/12/2020, anh T còn thể hiện tính côn đồ khi sang nhà bố mẹ đẻ chị C chửi bới, xúc phạm gia đình và dùng dao chém hư hỏng 01 xe máy của chị C. Đến nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con: Chị và anh Đặng Văn T có 02 con chung là cháu Đặng Thái S, sinh ngày 03/9/2008 và cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006. Chị C đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đặng Thị Bích N cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đặng Thái S cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị C và anh T không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị C xác định vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Anh T nhất trí với lời trình bày của chị C về thời gian sống chung như vợ chồng, thời gian kết hôn.

Nhưng về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn anh trình bày: Từ năm 2018 vợ chồng có cãi, chửi nhau, do bức tức anh có đánh chị C vài lần nhưng không gây thương tích gì, chị C cũng đánh lại, thậm chí còn dùng gậy là hung khí đuổi đánh anh. Từ khi chị C làm chi hội trưởng phụ nữ năm 2018 thấy chị C thường xuyên bỏ bê chồng con, nhiều lần đi đâu không rõ, về nhà hay nhẩn tin, anh T nghi ngờ chị C ngoại tình từ khoảng giữa năm 2018. Từ khoảng tháng 8/2020 chị C tự ý bỏ nhà đi đâu không rõ, anh T có đi tìm gặp 01 lần nhưng chị C không về đoàn tụ cùng chồng con. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, anh nghi ngờ chị C ngoại tình, chị C không tôn trọng anh trong cuộc sống. Anh cũng xác nhận trong thời gian sống ly thân anh có sang nhà bố mẹ đẻ chị C chửi bới gia đình và dùng dao chém hư hỏng 01 xe máy của chị C, nhưng nguyên nhân là do bố đẻ chị C có lời nói không tôn trọng đối với anh.

Đến nay, anh T xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng không nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị C, tuy nhiên anh cũng xác định không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con: Anh và chị Triệu Thị C có 02 người con chung: Cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006; cháu Đặng Thái S, sinh ngày 03/9/2008. Hiện nay cả hai cháu đang học nội trú tại Trường THCS xã K và sống cùng anh T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao hai cháu Đặng Thị Bích N và cháu Đặng Thái S cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh T xác nhận vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án, nên hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa sơ thẩm để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 78 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Viện kiểm sát huyện Văn Bàn về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Triệu Thị C được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Bích N - Sinh ngày 27/5/2006 cho chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi cháu Đặng Thị Bích N đủ 18 tuổi; Giao cháu Đặng Thái S - Sinh ngày 03/9/2008 cho anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đến khi cháu Đặng Thái S đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị C (*Tên gọi khác: Triệu Quỳnh M*) và bị đơn anh Đặng Văn T (*Tên gọi khác: Đặng Tiến D*) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Triệu Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, bị đơn anh Đặng Văn T cư trú tại Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Triệu Thị C và anh Đặng Văn T có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/3/2012 tại ủy ban nhân dân xã K, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị C, hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị C, bị đơn anh Đặng Văn T, những người làm chứng xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C và anh T do bất đồng về tính cách, anh T thường say rượu và nghi ngờ chị C ngoại tình nên dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, anh T còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị C. Mâu thuẫn vợ chồng đã được tổ hòa giải của thôn N, xã K hòa giải 01 lần vào tháng 6/2018 nhưng không hàn gắn hạnh phúc được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào ngày 15/8/2020 vợ chồng anh chị cãi, chửi nhau, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T còn sang nhà bố mẹ đẻ chị C chửi bới, xúc phạm gia đình và dùng dao chém hư hỏng 01 xe máy của chị C vào ngày 15/12/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 08/01/2021 để vợ chồng chị C, anh T đoàn tụ nhưng tại phiên hòa giải, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T. Tại phiên họp, anh chị vẫn bất đồng ý kiến và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị không thể hàn gắn được.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị C, anh T có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống có bạo lực gia đình, vợ chồng anh chị sống ly thân, tình cảm đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành. Đối với anh T mặc dù không nhất trí ly hôn nhưng cũng chưa có giải pháp nào thay đổi tình trạng vợ chồng sống ly thân và khắc phục mâu thuẫn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị C, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về việc ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị Triệu Thị C và anh Đặng Văn T có 02 con chung là cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006 và cháu Đặng Thái S, sinh ngày 03/9/2008. Hiện nay cả hai cháu đang học nội trú tại Trường THCS xã K, huyện V, những ngày nghỉ học các cháu về sống cùng anh T.

Về yêu cầu của nguyên đơn chị Triệu Thị C đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về yêu cầu của bị đơn anh Đặng Văn T đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006, cháu Đặng Thái S, sinh ngày 03/9/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử thấy: Chị Triệu Thị C và anh Đặng Văn T đều có mức thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện về vật chất, kinh tế để nuôi dạy mỗi người một cháu. Chị C đang sống cùng nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã N. Bản thân cháu N là nữ, đang ở độ tuổi dậy thì, bản thân cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị C. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của cháu N cần chấp nhận yêu cầu của chị C là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Thị Bích N cho chị Triệu Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Đặng Thái S cho anh Đặng Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự đều không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị C phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 điều 228; Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị C;

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C (*Tên gọi khác: Triệu Quỳnh M*) được ly hôn với anh Đặng Văn T (*Tên gọi khác: Đặng Tiến D*);

- Về nuôi con chung:

Chị Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Thị Bích N, sinh ngày 27/5/2006 cho đến khi cháu Đặng Thị Bích N đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Thái S, sinh ngày 03/9/2008 cho đến khi cháu Đặng Thái S đủ 18 tuổi.

Chị Triệu Thị C và anh Đặng Văn T không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0007169 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Triệu Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nghĩa

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Sở tư pháp;*
- *UBND xã Khánh Yên Thượng;*
- *Chi cục THADS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, LĐ, TP, VP.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa